

# Đề xuất khung năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên sư phạm ngành Giáo dục công dân đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Dương Thị Thúy Nga\*

\*Khoa LLCT – GDGD, Trường Đại học Sư phạm Hà nội

Received: 6/12/2023; Accepted: 16/12/2023; Published: 5/12/2024

**Abstract:** The program of Economic and Legal Education at the high school level in the 2018 General Education Program includes two strands of educational content: economic education and legal education, of which, legal education content accounts for 50% of the total curriculum time. The legal content designed in the program is closely linked to students' practical lives and current events in moral, legal, economic, political, and cultural life - local, country and world society. With such goals and content, pedagogical universities must innovate the training of teachers, in which the capacity to organize legal education is one of the most basic and core professional competencies. To develop this capacity, pedagogical universities need to build a capacity framework for organizing legal education for pedagogical students majoring in higher education, on that basis to design training programs and training measures. create..

**Keywords:** Legal education, capacity to organize legal education, pedagogical students, civic education

## 1. Đặt vấn đề

Ngày 26/12/2018, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ban hành Chương trình môn Giáo dục công dân (GDGD) trong Chương trình giáo dục phổ thông mới (theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT), trong đó, môn GDGD ở cấp trung học phổ thông được gọi là môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDKT&PL). Nội dung giáo dục pháp luật trở thành một trong hai mạch nội dung giáo dục của chương trình môn học, chiếm 50% tổng thời lượng chương trình. Những nội dung giáo dục pháp luật được thiết kế trong chương trình gắn bó chặt chẽ với đời sống thực tiễn của học sinh và các sự kiện có tính thời sự trong đời sống đạo đức, pháp luật, kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội của địa phương, đất nước và thế giới.

Với sự thay đổi của chương trình môn học như vậy, các trường đại học sư phạm phải đổi mới chương trình đào tạo đội ngũ giáo viên, trong đó, năng lực tổ chức giáo dục pháp luật là một trong những năng lực nghề nghiệp cơ bản và cốt lõi. Để phát triển năng lực này, các trường đại học sư phạm cần phải xây dựng được khung năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên sư phạm ngành GDGD, trên cơ sở đó mới thiết kế chương trình đào tạo và biện pháp đào tạo.

Trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả đề xuất khung năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên sư phạm ngành GDGD đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhằm giải

quyết vấn đề trên, góp phần thực hiện thành công Chương trình môn GDGD trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Năng lực tổ chức giáo dục pháp luật

#### 2.1.1. Khái niệm năng lực

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 định nghĩa: “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,...thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể” [3].

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi nhất trí với quan niệm về năng lực trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

#### 2.1.2. Khái niệm năng lực tổ chức giáo dục pháp luật

Về khái niệm năng lực tổ chức, có nhiều tác giả đề cập đến dưới góc độ là kỹ năng tổ chức, nhóm nghiên cứu cho rằng: năng lực tổ chức là khả năng con người vận dụng những tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để sắp xếp các hoạt động theo mục tiêu và trình tự kế hoạch đã đề ra.

Chương trình môn GDGD 2018 giải thích: “Giáo dục pháp luật là quá trình tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch giúp học sinh có ý thức, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật; có tri thức phổ thông, cơ bản, thiết thực đối với đời sống và định

hướng nghề nghiệp về pháp luật, trên cơ sở đó hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.” [3; tr.55].

Từ những phân tích về năng lực, năng lực tổ chức và giáo dục pháp luật, có thể hiểu năng lực tổ chức giáo dục pháp luật là khả năng làm chủ và huy động một cách linh hoạt, có tổ chức hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ và tình cảm của người giáo viên GDCD để thực hiện thành công các hoạt động dạy học giáo dục pháp luật và thực hành giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường phổ thông.

## **2.2. Căn cứ đề xuất khung năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên sư phạm ngành Giáo dục công dân**

### **2.2.1. Căn cứ vào mục tiêu phát triển năng lực học sinh của Chương trình môn GDCD 2018**

Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đã mô tả biểu hiện của các phẩm chất và năng lực chung, năng lực đặc thù mà tất cả các môn học/hoạt động giáo dục cần góp phần hình thành, phát triển cho học sinh. Chương trình môn GDCD đã mô tả biểu hiện của các năng lực đặc thù của môn GDCD.

Như vậy, trong chương trình của môn học này, mục tiêu giáo dục pháp luật (cùng với giáo dục kinh tế) là mục tiêu nổi trội, đồng thời là nội dung cốt lõi. Định hướng này trong Chương trình môn GDCD 2018 chính là căn cứ để xác định đơn đặt hàng cho các trường sư phạm có đào tạo sinh viên ngành GDCD.

### **2.2.2. Căn cứ thực tiễn phát triển năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên ngành GDCD ở các trường đại học sư phạm hiện nay**

Trước 2018, chương trình đào tạo giáo viên môn GDCD của các khoa Giáo dục chính trị hoặc Khoa Lý luận chính trị - GDCD của các trường đại học sư phạm thường có sự giao thoa với chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị (GDCT). Sau khi có Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các chương trình đào tạo ngành GDCD của các trường đại học sư phạm bắt đầu có sự điều chỉnh, nhưng nhiều chương trình vẫn có một khối lượng tin chỉ không nhỏ các học phần liên quan đến ngành Giáo dục chính trị. Trong khi thời lượng dành cho các môn học, các hoạt động hình thành năng lực giáo dục pháp luật cho sinh viên còn chưa tương xứng, chiếm chưa đến 15% tổng thời lượng chương trình.

Các môn học, các nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình đang triển khai hiện nay vẫn tập

trung vào trang bị kiến thức khoa học cho sinh viên mà chưa chú trọng đến phát triển năng lực, nhất là năng lực tổ chức giáo dục pháp luật. Đây được xác định là một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng giáo sinh ngành GDCD “giàu kiến thức – nghèo kỹ năng”, lúng túng trong thực hành nghề, thực hành việc tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật.

Năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông được xác định là một trong những năng lực đặc thù cần hình thành và phát triển cho sinh viên ngành GDCD ở các trường đại học sư phạm. Việc xây dựng khung năng lực giáo dục pháp luật là yếu tố cốt lõi trong việc xác định chuẩn đầu ra của sinh viên sư phạm ngành GDCD. Bản thiết kế chương trình đào tạo của các trường sư phạm có đào tạo sinh viên ngành GDCD cần tập trung vào việc xây dựng khung năng lực tổ chức giáo dục pháp luật dựa trên tính đặc thù của tri thức pháp luật và cấu trúc các phẩm chất, năng lực được mô tả trong chương trình môn GDCD 2018.

Từ những mục tiêu và nội dung trong chương trình môn GDCD 2018, dựa trên những nghiên cứu về chương trình đào tạo giáo viên của các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay, nhóm nghiên cứu đã vận dụng quy trình xây dựng cấu trúc năng lực để xây dựng khung năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên sư phạm ngành GDCD đồng thời đề xuất thang đánh giá năng lực này để làm căn cứ tiến hành thử nghiệm và đề xuất giải pháp trong đào tạo giáo viên GDCD.

## **2.2. Vận dụng lý thuyết để xây dựng khung năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên sư phạm ngành GDCD**

- Bước 1. Xác định khái niệm năng lực:

Năng lực tổ chức giáo dục pháp luật là khả năng làm chủ và huy động một cách linh hoạt, có tổ chức hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ và tình cảm của người giáo viên GDCD để thực hiện thành công các hoạt động dạy học và các hoạt động thực hành giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường phổ thông.

Với định nghĩa như vậy, năng lực tổ chức giáo dục pháp luật gồm 2 hợp phần như sau:

+ Hợp phần nghiên cứu lý thuyết: bao gồm các thành tố, chỉ số hành vi diễn ra chủ yếu trong tư duy và các thao tác tư duy của người học nhằm hướng đến phát triển các thành tố năng lực tương ứng với hoạt động tổ chức dạy học các nội dung pháp luật bao gồm việc xác định mục tiêu và thiết kế các hoạt động học cho học sinh cũng như đánh giá kết quả học tập của học sinh.



+ Hợp phần thực hành ứng dụng: bao gồm những thành tố, chỉ số hành vi tương ứng các hoạt động tổ chức vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã có từ hoạt động dạy học vào đời sống thực tiễn bao gồm các khâu lập kế hoạch, thực hiện theo kế hoạch và đánh giá mức độ đạt được của kế hoạch.

Các hợp phần này sẽ được phân tách thành các thành tố và mô tả cụ thể từng thành tố ở các bước tiếp theo.

- **Bước 2. Xác định các lĩnh vực, hợp phần, thành tố của năng lực (Bảng 1)**

Thành tố	Mô tả
1. Tổ chức các hoạt động dạy học nội dung giáo dục pháp luật	Xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện được kế hoạch dạy học, kế hoạch kiểm tra đánh giá.
2. Tổ chức các hoạt động thực hành giáo dục pháp luật.	Xây dựng được kế hoạch tổ chức các hoạt động thực hành giáo dục pháp luật và tổ chức cho học sinh thực hiện được các hoạt động thực hành theo kế hoạch đã xây dựng.

- **Bước 3. Thiết lập chỉ số hành vi (Bảng 2)**

Thành tố	Chỉ số hành vi
1. Tổ chức các hoạt động dạy học nội dung giáo dục pháp luật	1.1. Tìm hiểu được đối tượng cần giáo dục pháp luật 1.2. Xác định được mục tiêu, nội dung giáo dục pháp luật phù hợp đối tượng. 1.3. Xây dựng được kế hoạch tổ chức các hoạt động học nội dung giáo dục pháp luật. 1.4. Xây dựng được kế hoạch đánh giá học sinh qua hoạt động dạy học nội dung giáo dục pháp luật 1.5. Tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch đánh giá học sinh đã xây dựng.
2. Tổ chức các hoạt động thực hành giáo dục pháp luật.	2.1. Tìm hiểu được đối tượng tham gia các hoạt động thực hành (khả năng, thói quen, sở thích, năng khiếu, phong cách học....) 2.2. Xác định được mục tiêu, nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động thực hành giáo dục pháp luật trong trường phổ thông. 2.3. Xây dựng được kế hoạch tổ chức các hoạt động thực hành giáo dục pháp luật 2.4. Tổ chức cho HS thực hiện được hoạt động thực hành đã xây dựng. 2.5. Đánh giá được sự thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh sau các hoạt động thực hành.

- **Bước 4: Xây dựng các tiêu chí chất lượng (Bảng 3)**

Thành tố	Chỉ số hành vi	Tiêu chí chất lượng
1. Tổ chức các hoạt động dạy học nội dung giáo dục pháp luật	1.1. Tìm hiểu được đối tượng cần giáo dục pháp luật.	1.1.1. Xác định được khối lượng kiến thức giáo dục pháp luật đã có và mức độ, phạm vi lĩnh hội của HS. 1.1.2. Dự đoán được những thuận lợi, khó khăn của HS khi tiếp nhận kiến thức và thực hiện các nhiệm vụ. 1.1.3. Biết được phong cách học của từng HS.
	1.2. Xác định mục tiêu, nội dung giáo dục pháp luật phù hợp đối tượng.	1.2.1. Xác định được mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ và mô tả được mục tiêu theo các cấp độ nhận thức (Bloom và Solo). 1.2.2. Lựa chọn được các nội dung giáo dục pháp luật theo yêu cầu của môn học phù hợp với đối tượng HS.
	1.3. Xây dựng kế hoạch dạy học các nội dung giáo dục pháp luật	1.3.1. Thiết kế được chuỗi hoạt động học phù hợp với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng. Trong mỗi hoạt động làm rõ được mục tiêu/nội dung hoạt động/phương thức thực hiện hoạt động/sản phẩm dự kiến. 1.3.2. Xác định được những thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của HS. 1.3.3. Dự kiến được khả năng thực hiện nhiệm vụ của HS và biện pháp giúp đỡ khi HS gặp khó khăn.
	1.4. Xây dựng được kế hoạch đánh giá học sinh quan hoạt động dạy học nội dung giáo dục pháp luật	1.4.1. Xây dựng được các phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS. 1.4.2. Dự kiến và đánh giá được: - Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả HS trong lớp. - Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của HS. - Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong trình bày, trao đổi, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.
	1.5. Tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch đánh giá đã xây dựng.	1.5.1. Thực hiện được các hoạt động dạy học theo tiến trình đã xây dựng trong kế hoạch (giao nhiệm vụ, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, hướng dẫn HS báo cáo, thảo luận, phân tích và hướng dẫn HS rút ra kết luận, ghi bài.) 1.5.2. Xây dựng được bộ công cụ đánh giá HS học cá nhân, học nhóm, ...
2. Tổ chức các hoạt động thực hành giáo dục pháp luật.	2.1. Tìm hiểu đối tượng tham gia các hoạt động thực hành.	2.1.1. Xác định được đặc điểm tâm, sinh lí lứa tuổi. 2.1.2. Năng khiếu, hứng thú, khả năng, sở thích, cách học hiệu quả, điều kiện gia đình... 2.1.3. Dự đoán được những thuận lợi, khó khăn của HS khi kiến thức và thực hiện các nhiệm vụ.
	2.2. Xác định mục tiêu, nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động thực hành giáo dục pháp luật trong nhà trường phổ thông.	2.2.1. Xác định được mục tiêu của các hoạt động thực hành giáo dục pháp luật 2.2.2. Lựa chọn được hình thức và phương pháp tổ chức phù hợp với đối tượng học sinh.
	2.3. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động thực hành giáo dục pháp luật.	2.3.1. Thiết kế được chuỗi hoạt động thực hành phù hợp với mục tiêu, nội dung hình thức, phương pháp dạy học được sử dụng. 2.3.2. Xác định được những lực lượng hỗ trợ trong việc tổ chức các hoạt động của học sinh. 2.3.3. Dự kiến được khả năng thực hiện nhiệm vụ của học sinh và biện pháp giúp đỡ khi học sinh gặp khó khăn.
	2.4. Tổ chức cho học sinh thực hiện được các hoạt động thực hành đã xây dựng.	2.4.1. Hướng dẫn học sinh chuẩn bị theo các yêu cầu của hoạt động thực hành đã thiết kế. 2.4.2. Tổ chức cho học sinh thực hiện hiệu quả các hoạt động thực hành. 2.4.3. Hướng dẫn học sinh thu hoạch và chia sẻ kết quả sau khi thực hành.
	2.5. Đánh giá được sự thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh sau các hoạt động thực hành.	2.5.1. Lựa chọn được hình thức đánh giá phù hợp với hoạt động thực hành. 2.5.2. Xây dựng được bộ công cụ đánh giá sự thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của HS, ...

Các chỉ số hành vi ở khung trên chính là chỉ số hành vi của năng lực tổ chức giáo dục pháp luật. Việc phát triển năng lực này của sinh viên sư phạm ngành GD CD sẽ đáp ứng việc phát triển năng lực chung và đặc thù của học sinh phổ thông theo mục tiêu của chương trình mới. Ứng với mỗi chỉ số hành vi chúng tôi đề xuất các mức độ chất lượng dựa trên mức độ tự lực của người học, mức độ phức tạp và mức độ hoàn thiện của hành vi. Các mức độ chất lượng được trình bày được dưới dạng các tiêu chí. Bảng 2 và 3 là minh chứng cho những tiêu chí đã được xây dựng để đánh giá mức độ đạt được của chỉ số hành vi của một thành tố trong năng lực đã xác định.

- *Bước 5.* Thực nghiệm đo lường và hiệu chỉnh đường phát triển năng lực tổ chức giáo dục pháp luật của sinh viên.

### 3. Kết luận

Qua việc nghiên cứu quá trình đào tạo giáo viên nói chung và phát triển năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên sư phạm ngành GD CD nói riêng, bài viết đề xuất khung năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên sư phạm ngành GD CD nhằm đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ

thông 2018. Đối với các chương trình đào tạo giáo viên GD CD, khi thiết kế cần dựa vào khung năng lực tổ chức giáo dục pháp luật để xây dựng các học phần về lý thuyết và về phương pháp, kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục pháp luật cho phù hợp.

*Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đề tài mã số B2021-SPH - 03*

### Tài liệu tham khảo

[1] Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (2016), *Chương trình tiếp cận năng lực và đánh giá năng lực người học*, NXB Giáo dục Việt Nam

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình môn GD CD* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

[3] Hoàng Thị Kim Quế (2007), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[4] American Psychiatric Association (2013), *The Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders*, Fifth Edition.

## Bồi dưỡng kỹ năng xử lý tình huống... (tiếp theo trang 326)

### 2.2.4. Phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác trong bồi dưỡng và tự bồi dưỡng kỹ năng xử lý THSP

Cấp ủy, chỉ huy các cấp cần thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, xây dựng động cơ, phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác trong bồi dưỡng và tự bồi dưỡng kỹ năng xử lý THSP cho học viên. Các khoa GV cần phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý HV tạo điều kiện thuận lợi, chỉ đạo chặt chẽ, kiểm tra cụ thể, tỉ mỉ các nội dung bồi dưỡng và tự bồi dưỡng kỹ năng xử lý THSP của học viên. Trong quá trình học tập, HV cần nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của kỹ năng xử lý THSP, từ đó phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác trong bồi dưỡng và tự bồi dưỡng kỹ năng xử lý THSP; thường xuyên xây dựng kế hoạch và thực hiện nghiêm kế hoạch tự giáo dục, tự bồi dưỡng kỹ năng xử lý THSP; tích cực vận dụng sáng tạo, linh hoạt các kiến thức lý luận chuyên ngành, kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thực tiễn kinh nghiệm huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu vào giải quyết THSP một cách phù hợp, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở Trường Sĩ quan Chính trị, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

### 3. Kết luận

Bồi dưỡng kỹ năng xử lý THSP cho HV đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Chính trị là tổng hợp các hoạt động của lực lượng sư phạm và bản thân HV, làm cho HV có đủ năng lực xử lý các tình huống trong quá trình huấn luyện, giáo dục quân nhân ở các đơn vị quân đội. Quá trình đào tạo cần coi trọng hoạt động bồi dưỡng kỹ năng xử lý THSP cho học viên; thường xuyên cập nhật các THSP nảy sinh trong quá trình sư phạm ở đơn vị. Đội ngũ giảng viên cần tích cực tự bồi dưỡng kỹ năng xử lý THSP cho bản thân, làm cơ sở để “mô phạm”, làm mẫu trước học viên.

### Tài liệu tham khảo

1. Bùi Tuấn Anh (2020), *Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp sư phạm cho giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở nhà trường Quân đội hiện nay*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2020.

2. Bộ Quốc phòng (2016), *Điều lệ công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.

3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới*, Số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022, Hà Nội.